

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 6 năm 2020

Về việc: Ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Thị Loan

Bà: Nguyễn Kim Lân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 2 năm 2020 về việc: Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, Thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Lâm Văn T**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, Thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn tại đơn khởi kiện ngày 17/2/2020, nguyên đơn là anh Lâm Văn Tài trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Văn T chung sống với nhau vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 04 người con chung tên Lâm Vũ T, sinh ngày 26/11/2002, Lâm Huyền T, sinh ngày 10/3/2004, Lâm Ngọc T, sinh ngày 02/4/2015, Lâm Vũ T, sinh ngày 03/3/2016 hiện chị đang nuôi dạy, nay chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lâm Văn T: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy mời về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và Lâm Văn T có nơi trú tại khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lâm Văn T, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn, anh T là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Lâm Văn T tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy mời về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn năm 2002 hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và được bảo vệ. Về mâu thuẫn không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh T đã ly thân nay, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 04 người con chung Lâm Vũ T, sinh ngày 26/11/2002, Lâm Huyền T, sinh ngày 10/3/2004, Lâm Ngọc T, sinh ngày 02/4/2015, Lâm Vũ T, sinh ngày 03/3/2016 hiện chị T đang nuôi dạy, cháu T trưởng thành, cháu Lâm Huyền T, sinh ngày 10/3/2004 nguyện vọng của cháu muốn sống với chị T. Xét, con chung tên cháu Lâm Huyền T, sinh ngày 10/3/2004, và Lâm Ngọc T, sinh ngày 02/4/2015, Lâm Vũ T, sinh ngày 03/3/2016 hiện nay sống với chị T ổn định về phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Lâm Huyền T, sinh ngày 10/3/2004, Lâm Ngọc T, sinh ngày 02/4/2015, Lâm Vũ T, sinh ngày 03/3/2016 chị T nuôi dạy đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, Tòa án không ghi được ý kiến anh T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp về tài sản chung nợ chung thì kiện thành một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Huyền T, sinh ngày 10/3/2004, Lâm Ngọc T, sinh ngày 02/4/2015, Lâm Vũ T, sinh ngày 03/3/2016 chị T nuôi dạy đến tuổi trưởng thành. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu 300.000 đồng, ngày 25/2/2020 theo biên lai số 0003311 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Trần Văn Thời, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thanh Thủy